

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị L T N, sinh năm 1980;

Địa chỉ: K , t t T U, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh K Đ N, sinh năm 1974;

Địa chỉ: K, t t T U, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị L T N và anh K Đ N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị L T N và anh K Đ N thuận tình ly hôn.

- **Việc nuôi con chung:** Chị L T N và anh K Đ N có hai con chung là K Thị M, sinh ngày 28/9/2003 hiện đã thành niên (đủ 18 tuổi) và K D K, sinh ngày 14/11/2008. Chị L T N và anh K Đ N thỏa thuận như sau:

Giao cho anh K Đ N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **chưa thành niên** là cháu K Đ K, sinh ngày 14/11/2008 cho đến khi **con chung** thành niên (đủ 18 tuổi) **và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác**.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh K Đ N không yêu cầu chị L T N cấp dưỡng nuôi con **chung nên Tòa án không xem xét giải quyết**.

Chị L T N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với **anh N**. **Anh N** có quyền yêu cầu **chị N** cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Chị L T N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung **mà** không ai được cản trở.

- **Về chia tài sản:** Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị L T N và anh K Đ N **tự thỏa thuận**, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị L T N và anh K Đ N mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị N tự nguyện nộp thay anh N số tiền án phí mà anh N phải nộp, anh N nhất trí. Tổng cộng chị L T N phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Trả lại cho chị L T N số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số **AA/2021/0000535 ngày 01/3/2022** tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- **UBND xã Khao Mang;**
- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THADS huyện Than Uyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lường Xuân Thu